

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 30-12-2022  
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DẠH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Nguyễn Xuân Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hà
2. Ông Nguyễn Văn Hùng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

**Ngày 30 tháng 12 năm 2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022, về việc “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đ Thị T, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

*Địa chỉ:* Tổ 15 khu phố H, thị trấn L, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông N Văn S, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

*Địa chỉ:* khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đ Thị T trình bày:*

Bà T và ông S chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Thời giA đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con là N ThAh N, sinh ngày 06/02/2006 và N ThAh A sinh ngày 22/11/2010 nhưng sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Trong thời gian ly thân không tự hòa giải được.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm gì với ông S nữa nên xin được ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con là N ThAh N, sinh ngày 06/02/2006 và N ThAh A sinh ngày 22/11/2010. Con chung đang sống cùng ông S, bà T yêu cầu ông S trực tiếp nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

*Về ý kiến của bị đơn ông N Văn S:* Trong quá trình tố tụng ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh, ông N Văn S hiện nay đang cư trú tại khu phố H, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Bà T và ông S chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông S là trầm trọng không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao con chung cho ông S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và bà T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Đ Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông N Văn S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Mâu thuẫn giữa bà T và ông S là có thật, vợ chồng sống không hạnh phúc, không ai còn quan tâm đến ai.

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà T và ông S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

+ Về con chung: Có 02 con là N ThAh N, sinh ngày 06/02/2006 và N ThAh A sinh ngày 22/11/2010. Bà T yêu cầu ông S nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung hiện do ông S là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử :** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ Thị T.

- Về qua hệ hôn nhân: Bà Đ Thị T được ly hôn ông N Văn S.

- Về con chung: Giao con chung là N ThAh N, sinh ngày 06/02/2006 và N ThAh A sinh ngày 22/11/2010 cho ông N Văn S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 (Mười tám) tuổi. Bà Đ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ Thị T được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Án phí: Bà Đ Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009929 ngày 05/10/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, bà T đã nộp đủ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi*

*hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (30/12/2022) đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAD tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- THA huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- UBND **TT Phước Hải**;
- Lưu hồ sơ.

**Châu Nguyễn Xuân Thu**